

Bản án số: 193/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/07/2023

V/v Ly hôn, nuôi con chung
giữa anh T, chị K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Minh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:138/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị K, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ liên hệ: Xóm 30, xã Hải M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng: Ông Phạm Xuân K, sinh năm 1958; địa chỉ: 30, xã Hải M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Anh T, ông K xin vắng mặt; chị K vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Phạm Thị K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/8/2007. Trước khi kết

hôn anh T và chị K đã có con chung là cháu Vũ Thị T2. Sau khi kết hôn, anh T và chị K chung sống tại nhà mẹ đẻ của anh T được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Từ tháng 6/2010 đến nay, chị K đã đưa 02 con về nhà bố mẹ của chị K ở xã Hải M sinh sống, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T làm đơn xin được ly hôn chị K.

Về con chung: Anh T và chị K có 02 con chung là cháu Vũ Thị T2, sinh ngày 26/7/2004 và cháu Vũ Văn T3, sinh ngày 05/4/2008. Hiện cháu T2 đã trưởng thành lao động tự lập, còn cháu T3 đang do chị K nuôi dưỡng nên khi ly hôn, anh T nhất trí để chị K tiếp tục nuôi dưỡng cháu T3, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị K mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Không có nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị K đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng chị K không đến Tòa án làm việc, không đưa ra lý do vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T nên Tòa án không thu thập được ý kiến của chị K.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2023, ông Phạm Xuân K là bố đẻ của chị Phạm Thị K trình bày: Ông xác nhận chị K và anh T kết hôn với nhau năm 2007. Sau khi kết hôn do hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng anh T, chị K khó khăn, ông cũng cho tiền mua nhà đất riêng, nhưng do anh T không tu chí làm kinh tế nên đã bán hết nhà cửa về ở với gia đình ông từ năm 2009 đến nay. Trong cuộc sống giữa anh T và chị K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng vì cả hai đều theo đạo T3 chúa, giáo lý không cho phép ly hôn nên con gái ông không đồng ý ly hôn. Nay nếu anh T quyết tâm xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh T, chị K có 02 con chung như anh T đã trình bày. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung không có. Nguyên vọng của con gái ông tiếp tục được nuôi cháu T3 và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Các thông báo và giấy triệu của Tòa án ông nhận thay và đã chuyển lại cho chị K.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Vũ Văn T ly hôn với chị Phạm Thị K. Về con chung: Giao cháu Vũ Văn T3 cho chị K nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con 1.500.000đ của anh Vũ Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Xuân Kỳ là người làm chứng xin vắng mặt; chị Phạm Thị K là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 02, nhưng chị K vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị K, ông K là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Văn T và chị Phạm Thị K là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 20/8/2007. Trong thời gian chung sống, anh T và chị K có nhiều quan điểm bất đồng nên từ tháng 6/2010 đến nay hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin được ly hôn với chị K.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn T thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm lối sống khác nhau, đến nay anh T và chị K đã có thời gian sống ly thân đã lâu nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Vũ Văn T và chị Phạm Thị K có 02 con chung là cháu Vũ Thị T2, sinh ngày 26/7/2004 và cháu Vũ Văn T3, sinh ngày 05/4/2008. Hiện cháu T2 đã trưởng thành lao động tự lập, còn cháu T3 đang do chị K nuôi. Khi ly hôn anh T nhất trí để chị K tiếp tục nuôi cháu T3, chị K không có văn bản nêu ý kiến về việc nuôi con.

Xét thấy cháu Vũ Văn T3 đã được chị Phạm Thị K nuôi dưỡng từ nhỏ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Vũ Văn T3 cũng có nguyện vọng xin được ở với chị K. Mặc dù đến nay, chị K không có ý kiến gì về việc nuôi con là do công việc phải đi làm kinh tế. Hiện nay, anh Vũ Văn T cũng không có chỗ ở riêng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung cần tiếp tục giao cháu Vũ Văn T3 cho chị Phạm Thị K nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Vũ Văn T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Phạm Thị K mỗi tháng 1.500.000đ. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với cháu T3 là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Văn T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Phạm Thị K không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về tài sản chung cũng như về nghĩa vụ tài sản chung của vợ

chồng nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này chị K có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản, nghĩa vụ về tài sản trong thời kỳ hôn nhân với anh Vũ Văn T thì Tòa án sẽ thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Vũ Văn T phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Phạm Thị K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Văn T3, sinh ngày 05/4/2008 cho chị Phạm Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên. Anh Vũ Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị K mỗi tháng 1.500.000đ, cho đến khi cháu T3 thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Vũ Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006694 ngày 24/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; anh T còn phải nộp 300.000đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải A;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái